

CHUYỂN BIẾN CỦA NÔNG NGHIỆP VÀ XÃ HỘI NÔNG THÔN BẮC TRUNG KỲ THỜI THUỘC PHÁP

TS. Trần Vũ Tài

Khoa Lịch sử - Đại học Vinh

Đặt vấn đề

Nông nghiệp là ngành kinh tế thu hút sự quan tâm của thực dân Pháp trong quá trình khai thác thuộc địa ở Việt Nam. Sau Thế chiến I, đầu tư cho nông nghiệp được mở rộng và chiếm vị trí hàng đầu trong cơ cấu đầu tư của giới thực dân. Quá trình khai thác của tư bản Pháp đã thúc đẩy nông nghiệp thuộc địa có nhiều chuyển biến. Yếu tố tư bản chủ nghĩa (TBCN) xâm nhập vào nông nghiệp đã thúc đẩy sự chuyển biến của xã hội nông thôn, diện mạo nông nghiệp, nông thôn có nhiều thay đổi. Nước ta chuyển sang hình thái kinh tế thuộc địa có nhân tố TBCN. Ngoài những hạn chế do chính sách bóc lột của giai cấp thống trị, kinh tế nông nghiệp nước ta cũng có những đổi thay tích cực nhất định.

Bắc Trung Kỳ (Nord - Annam) - theo cách phân chia của người Pháp gồm các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh - là khu vực này có nhiều nét tương đồng về địa lý tự nhiên - xã hội, có tiềm năng để phát triển kinh tế nông nghiệp, có sức hấp dẫn đối với các nhà canh nông. Để hạn chế ảnh hưởng của chính quyền Nam triều, khai thác cả vùng đất “bảo hộ”, thực dân Pháp rất chú ý đến khu vực này. Dưới tác động khách quan của quá trình khai thác, nông nghiệp Bắc Trung Kỳ có những chuyển biến đáng kể theo hướng TBCN, làm thay đổi diện mạo nông nghiệp, nông thôn khu vực.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, nông nghiệp, nông thôn Thanh - Nghệ - Tĩnh có nhiều thay đổi quan trọng. Tuy nhiên trong quá trình chuyển đổi cơ chế hiện nay, các doanh nghiệp quốc doanh tỏ ra lúng túng, các hợp tác xã hoạt động kém hiệu quả. Công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở khu vực đang gặp nhiều trở ngại. Từ thực tế trên, chúng tôi thiết nghĩ, nghiên cứu sự chuyển biến của kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ thời thuộc Pháp có giá trị khoa học và thực tiễn sâu sắc, giúp ta nhìn nhận đầy đủ và sâu sắc hơn công cuộc khai thác thực dân ở một khu vực, góp phần hiểu đầy đủ hơn về chế độ thuộc địa ở nước ta.

1. Biên đổi bước đầu trong kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ từ 1884 đến 1918

1.1. Những tiền đề thúc đẩy sự chuyển biến của nông nghiệp Bắc Trung Kỳ

Đẩy mạnh công cuộc khai thác thuộc địa và “đảm bảo an ninh”, thực dân Pháp đã đầu tư xây dựng hệ thống giao thông gồm đường sắt, đường bộ, đường sông, cầu cảng nối liền các khu vực kinh tế trong và ngoài Bắc Trung Kỳ, nối liền với Lào. Bộ trưởng Bộ thuộc

địa trong bức thư gửi Toàn quyền Đông Dương ngày 23.6.1894 đã nhấn mạnh: “Cải thiện những đường giao thông và đường xâm nhập, đó là những nét lớn, những vấn đề trước mắt, sự giải quyết những vấn đề này ngày càng được nhiều người lưu tâm tới”¹. Hệ thống đường sắt Hà Nội - Vinh khởi công năm 1900 và hoàn thành năm 1905, dài 312km, tốn phí 43 triệu franc². Toàn quyền Đông Dương Anbe Xarô thừa nhận: “Đường sắt phải có mục đích đưa tới cửa bể và nhận ở đó tất cả khối lượng vận chuyển. Người ta sẽ phí công trồng các thứ để xuất cảng nếu không chở các thứ đó đi được”³. Hệ thống đường bộ cũng được mở rộng và xây dựng mới. Đường cái quan (quốc lộ1) đã được tu sửa, uốn nắn nhiều lần, “đẹp chẳng khác nào đường lớn ở nước Pháp”⁴. Đặc biệt, đường bộ nối khu vực Bắc Trung Kỳ với Lào được đầu tư xây dựng. Năm 1893, đường số 7 từ Vinh đi Trấn Ninh (Lào) dài 515 km bắt đầu được xây dựng, đường số 8 từ Vinh đi NaPê dài 272km nối liền Hà Tĩnh với Lào cũng được khởi công. Cảng Bến Thủy được đầu tư xây dựng, có ý nghĩa rất lớn trong việc xuất khẩu hàng nông, lâm, thổ sản. So với với cảng Đà Nẵng, cảng Quy Nhơn, thì cảng Bến Thủy được xem là quan trọng bậc nhất Trung Kỳ. “Không có những đường bộ, những đường sắt và những kênh đào, các doanh nghiệp chắc sẽ không tiến hành được hoạt động sản xuất và người dân bản xứ chắc sẽ gặp nhiều vấn đề về con người và kinh tế”⁵.

Một số dự án thủy nông được chính quyền thuộc địa cho khảo sát, thực nghiệm. Boullouche - Khâm sứ Trung Kỳ - đã đề ra việc khảo sát hệ thống dẫn thủy nhập điền ở Thanh Hoá. Công trình nghiên cứu đầu tiên được tiến hành vào năm 1898 là của kỹ sư Buaru. Dự án được tiến hành trong phạm vi 15.000 hécta ở phủ Thọ Xuân, chi phí 30 vạn đồng do chính quyền Nam triều trợ cấp, nhưng công trình phải bỏ dở vì nguồn kinh phí không đủ đáp ứng. Đến năm 1911, dự thảo về việc đào một con kênh từ Thanh Hoá vào Vinh đã đề cập tới việc tưới nước cho 25.000 hecta. Tiến độ thực hiện dự án kéo dài và trải qua nhiều thời kỳ khó khăn, cuối cùng phải ngừng lại do thiếu kinh phí và nhân công. Năm 1913, kỹ sư Normandin - sau khi hoàn thành nghiên cứu dẫn thủy nhập điền ở án Độ và Giava - được giao trách nhiệm nghiên cứu nông giang ở Thanh Hoá. Ông đề ra hướng giải quyết mới: xây dựng một nhà máy thủy điện 1.200 mã lực bằng cách sử dụng thủy lực của một thác nước cao 4m. Dùng năng lượng để bơm nước tưới cho 50.000 ha trên tả ngạn sông Chu và sông Mã⁶.

Chính sách khuyến khích lập đồn điền: Sau khi hoàn tất công cuộc “bình định” khu vực Bắc Trung Kỳ, chính quyền thuộc địa tuyên bố: “Không còn sợ các lực lượng đối kháng quấy rối nữa, có thể bắt tay vào việc mở mang và đẩy mạnh phát triển kinh tế”. Tiến hành công cuộc khai thác, thực dân Pháp đã chú trọng đến việc mở mang đồn điền kinh doanh

¹ Trần Văn Giàu, *Giai cấp công nhân Việt Nam*, NXB Sự Thật, Hà Nội 1961, tr. 77

² Nguyễn Văn Khánh, *Cơ cấu kinh tế xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858-1945)*, NXB ĐH QG HN, Hà Nội 1999, tr. 45.

³ Brévié J, *Diễn văn của Toàn quyền Đông Dương nhân dịp khánh thành dẫn thủy nhập điền ở miền Bắc Nghệ An*, năm 1937 Tư liệu địa chí Nghệ An, tr.280.

⁴ Robequain Ch., *Le Thanh Hoa* (bản dịch), Thư viện Thanh Hoá, tr.249

⁵ Aumiphin J.P., *Sự hiện diện tài chính và kinh tế của Pháp ở Đông Dương (1858-1939)*, Hội sử học Việt Nam, Hà Nội 1994, tr.109

⁶ Peytavin, *Dẫn thủy nhập điền ở Thanh Hoá*, *Tập san Kinh tế Đông Dương* (số117, năm 1916), Tư liệu địa chí Thanh Hoá, tr.2.

nông nghiệp. Một quan chức thực dân cho rằng: “Cái mà người Âu đến đây tìm kiếm không phải là 1 lô đất để tự trồng cây. Đó là 1 cơ sở kinh doanh lớn để điều khiển”¹. Ngoài mục đích kinh tế (tìm kiếm lợi nhuận), đồn điền còn mang sứ mệnh chính trị (“đảm bảo sự yên ổn ở những vùng rối loạn”) và xã hội (“đưa các loại cây mới vào trồng để thu hút bớt dân cư ra khỏi đồng bằng đồng đúc”)². Không riêng Bắc Trung Kỳ, đồn điền được mở rộng trong cả nước, trở thành một đặc trưng của kinh tế nông nghiệp Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

1. 2. *Biến đổi bước đầu của kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ.*

Kinh tế đồn điền phát triển mạnh và là một nhân tố mới làm biến đổi nông nghiệp khu vực. Tuy có muộn hơn so với nơi khác nhưng cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, đồn điền lần lượt được thiết lập ở Bắc Trung Kỳ. Từ các “đồn sơn phòng” thời quân chủ, các đồn điền dần được mở rộng. Việc phát hiện ra vùng đất đỏ và sự xuất hiện của cây cà phê khiến cho kinh tế đồn điền có nhiều khởi sắc. Gauthier là người tiên phong trong công việc này. Từ những năm 1900, qua việc khảo sát địa chất Thanh Hoá, ông đã thấy những vùng đất có thể trồng cây công nghiệp và chăn nuôi đại gia súc, “những bãi cỏ lượn sóng, những khu rừng thưa gợi lên phong cảnh đầu dãy của nước Pháp”³. Từ một nhà khai mỏ, ông chuyển sang kinh doanh nông nghiệp và trở thành một nhà canh nông có tiếng, mở đầu cho các hoạt động khai khẩn vùng đất đỏ Thanh Hoá. Theo chân Gauthier, nhiều nhà thực dân đã xin đất lập đồn điền để trồng cây công nghiệp. Từ Thanh Hoá, đồn điền được mở rộng sang Nghệ An. Việc phát hiện ra vùng đất đỏ, sự xuất hiện của cây cà phê là những nhân tố quan trọng thúc đẩy đồn điền ở Bắc Trung Kỳ mở rộng. Năm 1912, Gauthier bắt đầu khai khẩn đồn điền ở Yên Mỹ⁴. Sau nhiều lần mò mẫm, Gauthier nhận ra rằng: “tháng 9 sau mùa mưa lớn, trồng cây cà phê là thích hợp nhất”⁵. Nhờ sự kiên trì, việc khẩn hoang trồng cà phê của ông cũng gặt hái những kết quả nhất định. Đồn điền của Gauthier đã trồng được 10.000 gốc cà phê Arabica. Sự thành công bước đầu của Gauthier ở đồn điền Yên Mỹ đã khích lệ rất lớn đến giới điền chủ. Năm 1914, Garand lập đồn điền ở Như Xuân, tiếp đó là hàng loạt đồn điền khác được lập ở Thọ Xuân, Cẩm Thủy, Yên Định. Cũng trong năm 1914, vùng Phủ Quỳ trở thành một nơi thu hút giới điền chủ, theo tài liệu của Phòng Canh nông và thương mại Trung Kỳ đã có một số đồn điền được đưa vào sử dụng như đồn điền của Walther, đồn điền của Hội Lopicque và Công ty (P.A. Lopicque et Cie). Từ năm 1910 đến hết Thế chiến I, số lượng đồn điền ở Bắc Trung Kỳ càng được mở rộng, diện tích cũng tăng lên đáng kể⁶.

Sở hữu ruộng đất đã có sự chuyển biến bước đầu. Ruộng đất công làng xã tiếp tục bị thu hẹp, mở đường cho mô hình sở hữu lớn của tư nhân phát triển. Mức độ chiếm đoạt ruộng đất của địa chủ Pháp, nhà Chung và địa chủ phong kiến ngày một mở rộng. Sở hữu

¹ Tạ Thị Thuý, *Đồn điền người Pháp ở Bắc Kỳ (1884-1914)*, NXB Thế giới, Hà Nội 1996, tr.12.

² Tạ Thị Thuý, *Đồn điền người Pháp ở Bắc Kỳ (1884-1914)*, Sđd, tr.13.

³ Robequain Ch.(1932), *Le Thanh Hoa* (bản dịch), Thư viện Thanh Hoá, tr. 300 - 3007.

⁴ Robequain Ch.(1932), *Le Thanh Hoa* (bản dịch), Tlđđ, tr. 300 - 3007.

⁵ Robequain Ch.(1932), *Le Thanh Hoa* (bản dịch), Tlđđ, tr. 300 - 3007.

⁶ AFC (Phòng Nha Nông lâm thương mại), N0560, *Concessions et exploitations agricoles des provinces de l'Annam*, Tài liệu lưu trữ, Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, Hà Nội .

ruộng đất công bị thu hẹp một phần là do mức độ tập trung ruộng đất của thực dân ngày càng lớn. Chính quyền thuộc địa đã dùng quỹ ruộng đất thuộc “công điền, công thổ” mà họ xem là đất hoang để cấp nhượng cho các nhà thực dân lập đồn điền. Sự phát triển của kinh tế đồn điền là một nhân tố làm biến đổi quyền sở hữu ruộng đất. Ngoài lực lượng điền chủ, các nhà truyền giáo, cố đạo cũng tập hợp lực lượng con chiên khai khẩn đất đai, bao chiếm ruộng đất. Bên cạnh đó, địa chủ, cường hào địa phương đã ra sức cướp đoạt ruộng đất của nông dân, lập những trại ấp rộng lớn. Sự tập trung ruộng đất của thực dân, địa chủ phong kiến, nhà Chung là lý do khiến cho ruộng đất công ngày càng bị hạn chế, mở đường cho sở hữu lớn của tư nhân phát triển. Cho đến hết Thế chiến I, nhiều đồn điền có diện tích hàng trăm ha ra đời¹. Sự dung dưỡng của chính quyền thuộc địa là điều kiện để nhà thờ phát triển sở hữu dưới nhiều hình thức khác nhau: Ruộng đất do nhà Chung tậu, do sự quyên cúng của giáo dân, do chính quyền thực dân cấp cho, ruộng đất khai khẩn của cha cố...Nhiều địa phương ở Bắc Trung Kỳ, ruộng nhà Chung lên tới hàng trăm ha: Nga Sơn (Thanh Hoá), Xã Đoài (Nghệ An), Đức Thọ (Hà Tĩnh) là những nơi đạo Thiên chúa phát triển, ở đó ruộng đất của nhà Chung là tương đối lớn. Đó là chưa kể ruộng đất của các cố đạo mộ con chiên, giáo dân khai khẩn. Niên giám thống kê Đông Dương ghi nhận sự có mặt của 2 cố đạo là Charles, Rigain. Họ mộ dân khai phá ở vùng trung du Nông Cống, Như Xuân để lập những đồn điền đầu tiên. Sau đó là hàng loạt các cha cố, giám mục khác: Marcou (giám mục ở Phát Diệm, lập đồn điền 339 ha ở Điền Trạch, Thọ Xuân); P.Canilha (truyền giáo ở Quan Hoá, lập đồn điền rộng 132 ha ở Hữu Thủy, Hữu Xuyên, Quan Hoá); Landrieu (truyền giáo ở Tĩnh Gia, lập đồn điền 49 ha); Klingler (cố đạo ở Yên Thành lập đồn điền 450 ha ở Bảo Nham); Laygue (giám mục Xã Đoài lập đồn điền ở đây); nhà thờ Cầu Rằm (bao chiếm hàng trăm mẫu ruộng xung quanh giáo phận Vinh).

Canh tác nông nghiệp có những biến đổi bước đầu. So với trước năm 1884, diện tích trồng lúa ở Bắc Trung Kỳ tăng lên nhờ các biện pháp dẫn thủy nhập điền, khai hoang phục hoá cũng như sự “ổn định” về chính trị. Người dân sau khi tha phương cầu thực vì chiến tranh dần dần trở về quê quán. Hệ thống thủy nông được nạo vét, mở mang, một số công trình dẫn thủy nhập điền tự chảy được thử nghiệm,...là những nguyên nhân khiến cho diện tích gieo trồng tăng lên. Mặc dù chưa có các công trình dẫn thủy nhập điền lớn nhưng việc hệ thống thủy nông được cải tạo, đê điều được gia cố dưới sự hướng dẫn về kỹ thuật của các kỹ sư người Pháp khiến cho thủy tai bước đầu được hạn chế. Bên cạnh đó, những hoạt động nghiên cứu về giống và các khuyến cáo về kỹ thuật của trạm giống Yên Định đã góp phần cải tiến nghề trồng lúa ở khu vực Bắc Trung Kỳ. Theo Niên giám thống kê Đông Dương, đến năm 1919, Thanh Hoá có khoảng 220.000 ha ruộng (70.000 ha 1 vụ, 150.000 ha 2 vụ). Nghệ An có 150.000 ha ruộng (40.000 ha 1 vụ, 110.000 ha 2 vụ). Hà Tĩnh có 120.000 ha ruộng (70.000 ha 1 vụ, 50.000 ha 2 vụ). Trong tổng số diện tích gieo trồng ở Trung Kỳ năm 1919 là 1.100.000 ha thì Bắc Trung Kỳ có 490.000 ha² - chiếm gần 45% diện tích.

¹ AFC (Phòng Nha Nông lâm thương mại), N0560, *Concessions et exploitations agricoles des provinces de l'Annam*, Tlđđ.

² *Niên giám kinh tế Đông Dương* (Phần ghi về Nghệ Tĩnh) từ năm 1913 đến 1951, TT lưu trữ Quốc gia III, Tư liệu địa chí Nghệ An, tr.7.

Đặc biệt là một số cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao bắt đầu được du nhập vào Bắc Trung Kỳ, nhất là cây cà phê. Sau thành công của Gauthier ở đồn điền Yên Mỹ, diện tích trồng cà phê không ngừng được mở rộng. Điều đó có ý nghĩa đáng kể trong việc khai khẩn vùng đất đỏ ở miền trung du vốn trước đây vẫn còn hoang hóa. Ban đầu, cà phê được trồng thành hàng rào nhà thờ ở Hương Khê (Hà Tĩnh)¹. Đến đầu thế kỷ XX, cây cà phê được trồng trong các đồn điền người Pháp ở Hương Sơn, Hương Khê. Năm 1908, cây cà phê từ Nam Ninh Bình, vượt qua đèo Đổng Giao thâm nhập vào Thanh Hoá. Bước đầu, cà phê được trồng thử nghiệm ở vùng khai hoang giữa Bim Sơn và Ngọc Trạo. Năm 1912, Gauthier khai thác đồn điền Yên Mỹ, hơn 10.000 gốc cà phê Arabica được trồng thành công ở đây, điều đó đã khuyến khích các điền chủ xin nhượng đất lập đồn điền trồng cà phê. Cho đến năm 1918, hệ thống đồn điền trồng cà phê được thiết lập ở Bắc Trung Kỳ. Canh tác cà phê ở giai đoạn này đang trong quá trình thử nghiệm, mò mẫm. Diện tích trồng trọt chưa lớn, cà phê cho thu hoạch chưa nhiều, sản lượng cà phê không đáng kể. Nhưng cây cà phê xuất hiện đã mở ra một hướng canh nông mới thu hút sự quan tâm của giới điền chủ. Từ những bước đi ban đầu này, trong đợt khai thác thuộc địa lần thứ hai, thực dân Pháp biến Bắc Trung Kỳ thành nơi chuyên canh cà phê vào loại lớn nhất Đông Dương thời bấy giờ.

2. Những chuyển biến trong kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ từ 1919 đến 1945

2.1. Mở rộng đầu tư khai thác thuộc địa.

Sau Thế chiến I, thực dân Pháp tiến hành đầu tư ồ ạt vào Đông Dương (nhất là Việt Nam) với tốc độ nhanh và quy mô lớn. Sự điều chỉnh chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã tác động đến tình hình kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ. Số vốn đầu tư tập trung vào công tác thuỷ lợi, dẫn thuỷ nhập điền. Thực dân Pháp đầu tư xây dựng hệ thống thuỷ nông tương đối quy mô và hiện đại. Hai công trình thuỷ nông lớn là đập Bái Thượng - hệ thống thuỷ nông sông Chu (Thanh Hoá); đập Đô Lương - hệ thống sông đào Bắc Nghệ An lần lượt được hoàn thành. Hai công trình dẫn thuỷ nhập điền tầm cỡ này xuất hiện đã làm thay đổi đáng kể diện mạo nông nghiệp Bắc Trung Kỳ.

Năm 1918, Toàn quyền Albert Sarraut chuẩn y bản thiết kế công trình dẫn thuỷ nhập điền ở Thanh Hoá, kinh phí thực hiện công trình được trích từ ngân sách chung Đông Dương. Sau 2 năm chuẩn bị, công trình khởi công ngày 28/3/1920 và đến ngày 27/8/1928 thì được bàn giao chính thức cho Sở thuỷ nông. Công trình thuỷ nông sông Chu hoàn thành đã làm thay đổi diện mạo nông nghiệp Thanh Hoá. Diện tích 60.000 ha ruộng được chủ động tưới nước và có thể gieo trồng 2 vụ. Năng lực gieo trồng ở tả, hữu ngạn sông Chu được đánh thức, “cuộc sống nông nghiệp của Nông Công được khởi sắc từ khi có nông giang chảy qua”, “Nông Công trở thành nơi xuất gạo đi các nơi và câu ‘được mùa Nông Công sống mọi nơi’ có thể được đúc kết từ đây”². Công trình thuỷ nông sông Chu đã nâng giá trị phần ruộng đất được tưới nước lên 2,5 đến 3 triệu đồng/1 năm, tức hơn nửa số tiền chi phí

¹ Hội đồng tư vấn hỗn hợp thương mại và canh nông Trung Kỳ, *Trung Kỳ năm 1906*, Tư liệu địa chí Nghệ An, tr.16.

² Huyện uỷ-UBND huyện Nông Công, *Địa chí Nông Công*, NXB KHXH, Hà Nội 1998, tr.128.

ban đầu¹. Các nhà nghiên cứu đương thời đánh giá: “Trừ các hệ thống không lồ tại ấn Độ thuộc Anh thì đây là công trình cùng loại lớn hơn hết tại Viễn Đông. Không nơi nào, ở Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan, Philippin, Thái Lan, Giava lại có những hệ thống quan trọng như vậy. ở Miến Điện, chỉ có một hệ thống Svebo có thể tưới được cho 60.000 ha” sánh kịp mà thôi².

Sau hệ thống thủy nông sông Chu là công trình dẫn thủy nhập điền miền Bắc Nghệ An. Công trình được khởi công năm 1933 và hoàn thành năm 1937. Công trình đi vào vận hành đã tưới tiêu cho hơn 37.000 ha ruộng. Nhờ có dẫn thủy nhập điền, 3 huyện Diễn-Yên-Quỳnh trở nên trù phú và trở thành vùng trọng điểm về trồng lúa ở Nghệ An. Câu ca "đói cơm rách áo thì ra Yên Thành" nói lên sự no ấm của kinh tế nông nghiệp nơi đây do lợi ích từ công tác thủy lợi. Hệ thống thủy nông sông Chu, hệ thống dẫn thủy nhập điền Bắc Nghệ An xứng đáng là những công trình đại thủy nông ở Bắc Trung Kỳ thời thuộc Pháp.

Bên cạnh đó, các hoạt động đầu tư tài chính được chú ý. Đại lý của Ngân hàng Nông phổ lần lượt được thiết lập ở Thanh Hoá, Vinh, Hà Tĩnh và hoạt động có hiệu quả nhất định. Một điểm mới trong hoạt động tín dụng là có sự tham gia của các công ty vô danh, các hãng buôn, hội buôn lớn. Công tác chọn giống cũng được sự quan tâm của chính quyền với việc mở rộng trại giống Yên Định (Thanh Hoá) và thành lập các trại giống mới: Cao Trại (Phủ Quỳ - Nghệ An), Vân Du (Thạch Thành), trại chăn nuôi Bãi Áng (Nông Cống - Thanh Hoá).

2.2. Chuyển biến của kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ từ 1919 đến 1945.

Việc mở rộng đầu tư khai thác của thực dân Pháp khiến nông nghiệp Bắc Trung Kỳ có những chuyển biến rõ nét, thể hiện trên mấy khía cạnh sau:

Sở hữu ruộng đất: các tỉnh Bắc Trung Kỳ có tỷ lệ ruộng công tương đối thấp so với xứ Trung Kỳ. Nghệ An có tỷ lệ ruộng công cao nhất, cũng chỉ chiếm tỷ lệ 19,8%, Hà Tĩnh có tỷ lệ ruộng công thấp nhất, chiếm 15,9%. Mức độ tập trung ruộng đất vào tay thực dân, địa chủ ngày càng lớn. Đất được cấp nhượng lập đồn điền lên tới 37.114 ha (chiếm tỷ lệ 13% đất canh tác), 70% đồn điền có diện tích từ 100 ha đến trên 10.000 ha. Địa chủ phong kiến và địa chủ nhà Chung phát triển nhanh về tiềm lực kinh tế, chiếm đoạt ruộng đất lên tới hàng nghìn mẫu. Sở hữu ruộng đất của người bản xứ phổ biến là nhỏ và vừa: dưới 5 mẫu (93,6%), từ 5 đến 50 mẫu (6,3%), trên 50 mẫu (0,1%)³.

Quan hệ sản xuất: Quan hệ địa chủ - tá điền vẫn được duy trì nhưng chuyển biến dưới nhiều hình thức khác nhau: thuê nhân công, cấy rẽ, cho thuê ruộng. Hình thức địa tô cũng chuyển biến theo: ngoài tô hiện vật, tô lao dịch, xuất hiện tô tiền. Quan hệ chủ - thợ

¹ Peytavin (1916), Dẫn thủy nhập điền ở Thanh Hoá, *Tập san Kinh tế Đông Dương* (số 117, năm 1916), Tư liệu địa chí Thanh Hoá, tr. 3 – 7.

² Peytavin (1916), Dẫn thủy nhập điền ở Thanh Hoá, *Tập san Kinh tế Đông Dương* (số 117, năm 1916), Tlđđ, tr. 3 – 7.

³ Y. Henry, *Kinh tế nông nghiệp Đông Dương*, Hà Nội 1932, Bản dịch của Hoàng Đình Bình, Tư liệu khoa Sử, ĐHKH XH&NV, ĐHQG HN, tr. 57 - 125

được xác lập. Các đồn điền lớn được tổ chức như những xí nghiệp TBCN. Nhân công được sử dụng dưới nhiều hình thức khác nhau: công nhật, lương tháng, khoán việc, mùa vụ...

Phương thức kinh doanh và sử dụng đất: Vùng chuyên canh cây công nghiệp như chè, cà phê, bông, mía xuất hiện. Tính đến năm 1929, trong gần 5.000 ha cà phê ở Trung Kỳ thì diện tích trồng cà phê các tỉnh Bắc Trung Kỳ chiếm tỷ lệ gần một nửa (48%). Nhưng cuộc khủng hoảng của cây cà phê vào những năm 1930 - 1931 khiến cho diện tích trồng cà phê sụt giảm, chỉ còn 2.000 ha trong tổng số 6.100 ha ở Trung Kỳ (chiếm tỷ lệ 32,7%). Diện tích trồng cà phê toàn Đông Dương trong giai đoạn từ 1932 đến 1944 trung bình là 8.525ha thì diện tích trồng cà phê ở Bắc Trung Kỳ chiếm tỷ lệ 27,5%¹. Bắc Trung Kỳ được xem là trung tâm trồng và xuất khẩu cà phê lớn nhất Đông Dương thời bấy giờ.

Thủy lợi, thủy nông nội đồng có bước tiến vượt bậc, các công trình dẫn thủy nhập điền đã tưới cho trên 160.000 ha, riêng hệ thống thủy nông sông Chu có thể tưới cho 60.000 ha, hệ thống Bắc Nghệ An tưới cho 38.000 ha. Phân bón cho canh tác nông nghiệp cũng có bước tiến bộ, kỹ thuật nuôi bèo hoa dâu làm phân xanh được phổ biến rộng rãi. Phân hoá học được sử dụng bước đầu trong việc chăm sóc các loại cây công nghiệp. Một số giống cây trồng, vật nuôi mới được nhân rộng: cà phê Arabica, Chari, Robusta, Excelsa, ngô Rêuyniông, bông sợi dài của Mỹ và Ai Cập, cam Sunkis, bò Sin, cò voi Ghinê, lợn Yoc-sai, cừu Kêlantán... Các biện pháp để bảo vệ đàn gia súc, chăm sóc thú y cho đàn trâu bò được chú ý.

Nghề trồng trọt, trước hết là nghề trồng lúa có nhiều chuyên biến, diện tích được mở rộng, năng suất được cải thiện so với thời điểm trước năm 1918 (từ mức 9 - 11 tạ/ha tăng lên 12 - 15 tạ/ha), do đó sản lượng lúa cũng tăng cao. Đặc biệt, nghề trồng cây công nghiệp phát triển, vùng chuyên canh cà phê, bông vải, mía, chè, cây ăn quả xuất hiện. Cà phê là loại cây trồng được phát triển trong các đồn điền đất đỏ ở phía Tây Thanh Hoá, Nghệ An và Hà Tĩnh. Diện tích trồng cà phê ở Bắc Trung Kỳ vào thời điểm cao nhất vào khoảng hơn 2.500 ha, sản lượng đạt khoảng 1.000 tấn, năng suất bình quân từ 4 đến 5 tạ/ha. Chỉ tính riêng đồn điền của Walther ở Phú Quỳnh đến năm 1927 đã có 17.000 gốc cà phê cho thu hoạch, 6.000 gốc trồng được 2 năm, 145.000 gốc trồng được 1 năm. Sản lượng cà phê trong năm 1927 là 10 tấn, năm 1930 là 60 tấn. Theo Ch.Robequain, năm 1928 Thanh Hoá “có khoảng 200 tấn cà phê ngon không kém gì các nẻo xa”; đến năm 1932, sản lượng lên tới 500 tấn².

Nghề chăn nuôi nhất là chăn nuôi trâu bò phát triển nhanh chóng và trở thành một trung tâm lớn của cả nước. Chăn nuôi gia súc, nhất là trâu bò trở thành một nghề rất phát triển ở Bắc Trung Kỳ. Sau Thế chiến I, nhiều biện pháp cải tạo chất lượng giống trâu bò được thực hiện. Bắc Trung Kỳ trở thành một trung tâm chăn nuôi và xuất khẩu trâu bò lớn của cả nước. Theo thống kê của Y. Henry, năm 1930, đàn trâu bò ở Bắc Trung Kỳ lên tới

¹ H.Cucherousset, Cuộc khủng hoảng và các đồn điền cà phê ở Thanh Hoá, *Tạp chí Kinh tế Đông Dương*, Tư liệu địa chí, Thư viện Thanh Hoá, tr. 1 - 5.

² H.Cucherousset, Cuộc khủng hoảng và các đồn điền cà phê ở Thanh Hoá, *Tạp chí Kinh tế Đông Dương*, Tlđđ, tr. 1-5.

247.025 con¹. Tổng số đàn gia súc ở Trung Kỳ là 421.895 con bò và 200.073 con trâu, riêng ở Bắc Trung Kỳ số lượng bò đã là 166.770 con (chiếm tỷ lệ 39,5%), trâu là 80.255 con (chiếm tỷ lệ 40%). Đàn bò ở Bắc Trung Kỳ nhiều hơn cả đàn bò của các tỉnh Bắc Kỳ cộng lại (143.525 con) hay cả Nam Kỳ cộng lại (139.952 con)²... Điều đó cho thấy, Bắc Trung Kỳ là một trung tâm chăn nuôi bò lớn nhất cả nước.

3. Xã hội nông thôn Bắc Trung Kỳ dưới tác động của những chuyển biến kinh tế nông nghiệp.

Sự chuyển biến của kinh tế nông nghiệp đã tác động mạnh mẽ đến xã hội nông thôn, điều đó thể hiện trên mấy vấn đề sau:

Nghề thủ công truyền thống có sự biến đổi: Sang thời thuộc địa, một số nghề thủ công bị sa sút như nghề trồng bông dệt vải, trồng dâu nuôi tằm bởi xu hướng nhập ngoại các sản phẩm tơ, lụa. Một số nghề được duy trì như nghề mộc, đan lát, rèn, rèn đúc, làm gốm, gạch ngói, chế biến hải sản, làm mật mía, ép dầu nhưng không tách khỏi sản xuất nông nghiệp.

Dân cư biến động: Dân số tăng lên nhanh chóng, trong khoảng 40 năm đầu thế kỷ XX, dân số Bắc Trung Kỳ tăng lên gấp đôi. Điều đó làm cho diện tích canh tác tính theo đầu người ngày càng giảm. Lao động dôi dư ở đồng bằng rất lớn. Xuất hiện các luồng di dân: từ đồng bằng lên trung du, từ tỉnh này sang tỉnh khác, di cư vào Nam Trung Kỳ và Nam Kỳ, một bộ phận nhân công từ Bắc Kỳ di cư vào.

Địa bàn cư trú mở mang: Các hoạt động khai thác nông nghiệp góp phần khai khẩn đất đai, mở rộng địa bàn cư trú. Đất ngập mặn ven biển ở Nga Sơn, Hoằng Hoá (Thanh Hoá), Quỳnh Lưu, Diễn Châu (Nghệ An) được chinh phục, nhiều làng mạc mới xuất hiện. Đất hoang hoá ở trung du được khai thác triệt để, nhiều khu vực dân cư đông đúc xuất hiện ở Phủ Quỳ (Nghệ An), Thọ Xuân, Nông Công (Thanh Hoá).

Giai cấp bị phân hóa: Giai cấp nông dân bị phân hoá do sự phân công lao động và sự tác động của các hình thức địa tô. Ở Nghệ An, thành phần bản, cổ nông là chủ yếu (83%) đến Hà Tĩnh (74,75), trong khi đó Thanh Hoá có tỷ lệ trung nông khá hơn (21,7%), bản cổ nông thấp hơn 2 tỉnh kia (73%). Giai cấp địa chủ cũng phân hoá thành 2 bộ phận. Địa chủ, phú nông chiếm tỷ lệ 4,42% dân đinh ở Thanh Hoá, 3,32% (Nghệ An), 5,6% (Hà Tĩnh) nhưng chiếm hữu gần 50% diện tích ruộng đất³. Cơ cấu giai cấp vận động theo hướng bản cùng hoá của bản, cổ nông; sự ổn định tương đối của trung nông, phú nông; mở rộng địa vị kinh tế của địa chủ. Mâu thuẫn xã hội sâu sắc, riêng ở Nghệ - Tĩnh, xuất hiện mâu thuẫn giữa 2 phe “hộ” và “hào”.

¹ Y. Henry, *Kinh tế nông nghiệp Đông Dương*, Sdd, tr.223 - 224

² Y. Henry, *Kinh tế nông nghiệp Đông Dương*, Sdd, tr.223 - 224

³ Tổng hợp số liệu thống kê từ Tài liệu cải cách ruộng đất ở Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh. Tài liệu lưu trữ ở UBND các tỉnh.

Nông dân Bắc Trung Kỳ ngày càng bị bần cùng hóa. Cuộc sống của nông dân phụ thuộc vào ruộng vườn nhưng diện tích canh tác ngày càng giảm, đến năm 1945 chỉ còn mức 0,18 ha(Thanh Hoá), 0,17 ha (Hà Tĩnh), 0,12 ha (Nghệ An)¹; sản lượng lúa tính theo đầu người cũng giảm theo, trung bình chỉ còn 1,2 tạ/1người/1 năm. Nông dân bị bần cùng hoá nhanh hơn bởi vì sự chuyển biến của nông nghiệp không theo kịp đà tăng dân số, phân chia lợi nhuận bất bình đẳng, hình thức bóc lột ngày càng thậm tệ và tinh vi. Diện tích gieo trồng tính theo đầu người đã giảm 5 lần tính từ thời vua Tự Đức đến năm 1945 (ở mức 1mẫu/người xuống mức 2sào/người). Sản lượng lúa theo đầu người giảm một nửa tính từ những năm đầu thế kỷ XX đến năm 1945 (ở mức 3,2 tạ/người/năm xuống 1,7 tạ/người/năm ở Thanh Hoá; 1,6 tạ/người/năm xuống 0,8 tạ/người/năm ở Nghệ An). Sự kết hợp giữa phương thức sản xuất phong kiến và TBCN càng làm cho hình thức bóc lột tinh vi hơn. Ở nông thôn Bắc Trung Kỳ, xuất hiện nhiều cách bóc lột thậm tệ: bóc lột tô, bóc lột tức, bóc lột nhân công, nhiều loại hình bóc lột tinh vi: công non, lương non, đong gạo chịu, vay cầm, bán cầm...

Ngoài 2 mâu thuẫn chủ yếu là nông dân với địa chủ, nông dân dân với đế quốc, thực dân, nông thôn Bắc Trung Kỳ còn xuất hiện một mâu thuẫn khác cũng rất gay gắt: nông dân với phú nông. Điều đó được thể hiện ở phong trào đấu tranh giữa phe “hộ” và phe “hào” rất riêng biệt ở nông thôn Nghệ – Tĩnh. Đời sống của nông dân càng thêm khó khăn bởi nhiều mối đe dọa: nạn sưu cao, thuế nặng; phụ thu, lạm bỏ; giá bạc và nông sản thất thường; nạn cho vay nặng lãi; thiên tai, ôn dịch... Mức độ bần cùng hóa của nông dân Nghệ - Tĩnh rất nhanh, họ luôn phải đối diện với nạn đói kinh niên.

Kết luận

Bắc Trung Kỳ là vùng đất đa dạng về sinh thái tự nhiên - xã hội, có thế mạnh để phát triển nghề trồng lúa, cây công nghiệp và chăn nuôi đại gia súc. Điều kiện đó đã thu hút được sự quan tâm của chính quyền thuộc địa và các nhà canh nông. Quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp làm cho nông nghiệp Bắc Trung Kỳ chuyển dần từ hình thái phong kiến sang hình thái thuộc địa có nhân tố TBCN.

Quan hệ ruộng đất và phương thức canh tác có nhiều chuyển biến. Xu hướng tập trung ruộng đất mở đường cho việc kinh doanh lớn trong nông nghiệp, làm thay đổi hình thức sở hữu nhỏ, kinh doanh phân tán của nông nghiệp Bắc Trung Kỳ, nhưng một bộ phận nông dân bị tước đoạt tư liệu sản xuất. Phương thức sản xuất phong kiến phát canh thu tô vẫn được duy trì nhưng chuyển biến dưới nhiều hình thức khác nhau: cây rẽ, thuê ruộng, thuê nhân công. Các hình thức địa tô cũng chuyển biến theo: từ tô hiện vật, tô lao dịch đến tô tiền. Phương thức sản xuất TBCN bắt đầu được du nhập, quan hệ chủ - thợ xác lập. Sự kết hợp giữa hai phương thức phong kiến và TBCN đã tận dụng tối đa nguồn nhân công, nhưng cũng vì thế mà người làm thuê bị bóc lột thậm tệ hơn.

¹ Tổng hợp số liệu thống kê từ Tài liệu cải cách ruộng đất ở Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh. Tài liệu lưu trữ ở UBND các tỉnh.

Bộ phận kinh tế đồn điền có nhiều chuyển biến mạnh mẽ nhất trong nông nghiệp Bắc Trung Kỳ. Trước năm 1884, đồn điền đã xuất hiện, nhưng chỉ đóng vai trò là “đồn sơn phòng”, mang ý nghĩa bảo vệ an ninh chính trị nhiều hơn là kinh tế. Sang thời thuộc địa, đồn điền trở thành một hình thức canh nông của giới điền chủ. Quy mô đồn điền không ngừng được mở rộng. Từ những cố gắng đơn lẻ của các cá nhân cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, kinh tế đồn điền dần được tổ chức và phát triển mạnh mẽ. Sau Thế chiến I, hệ thống đồn điền hình thành và mở rộng đến các vùng đồng bằng, xuất hiện đồn điền rộng hàng nghìn hecta như đồn điền của Gauthier ở Yên Mỹ (Thanh Hoá), Walther, Lapic và Công ty ở Phủ Quỳ (Nghệ An)... Đồn điền Yên Mỹ được đánh giá là đẹp nhất Đông Dương.

Nông nghiệp Bắc Trung Kỳ bắt đầu chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hoá. Trước năm 1884, nông nghiệp khu vực đang ở trạng thái tự cung tự cấp. Sang thời thuộc địa, Bắc Trung Kỳ thành nơi xuất khẩu hàng nông sản tương đối lớn của cả nước. Nông sản gồm lương thực (lúa gạo, ngô), các loại hoa màu (đậu, vừng lạc), sản phẩm cây công nghiệp (cà phê, bông vải, chè, mật mía), hoa quả (cam, quýt, bưởi, dứa), gia súc (trâu bò). Trong đó, cà phê, bông vải, trâu bò là những mặt hàng xuất khẩu chủ lực, vào loại lớn nhất của cả nước

Những nhân tố thúc đẩy sự chuyển biến của kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ: Nguồn vốn đầu tư, bao gồm vốn của Nhà nước và tư nhân thúc đẩy nông nghiệp khu vực phát triển. Cơ sở hạ tầng như giao thông vận tải, thương nghiệp, tiền tệ, các công trình thủy nông, các trạm giống... được xây dựng từ nguồn ngân sách chung Đông Dương và ngân sách hàng xứ đã thúc đẩy sự chuyển biến của kinh tế nông nghiệp khu vực. Ngoài cố gắng "mò mẫm" của những cá nhân thì vai trò của chính quyền cũng rất quan trọng. Sau Thế chiến I, các hoạt động canh nông đã có sự tổ chức, định hướng của chính quyền thuộc địa.

Tác động của chuyển biến kinh tế nông nghiệp tới xã hội nông thôn Bắc Trung Kỳ, giai cấp bị phân hoá, nông dân bị bần cùng. Nông thôn Bắc Trung Kỳ xuất hiện công nhân áo nâu, thợ cày, thợ cấy, thợ gặt, thợ hái cà phê, người làm trung gian, thầu khoán, bốc vác, chở thuê...Thợ thủ công bị phân hoá, một bộ phận bị phá sản do sản phẩm không cạnh tranh được với hàng ngoại nhập. Sự xâm nhập của kinh tế hàng hoá, sự chuyển biến của các hình thức địa tô, mức độ tập trung ruộng đất ngày càng lớn, mức độ bóc lột của thực dân phong kiến nặng nề... là những nguyên nhân dẫn đến sự phân hoá xã hội. Giai cấp nông dân bị phân hoá và bị bần cùng hoá nặng nề, 37% dân đinh là cố nông, 45,5% là bần nông.

Bên cạnh những hạn chế của chính sách thực dân, sự chuyển biến của kinh tế nông nghiệp khu vực cũng có những mặt tích cực nhất định. Chính sách khai thác tiềm năng đất đai, sự đầu tư cho hệ thống thủy nông, việc lựa chọn cây trồng, vật nuôi phù hợp, tìm đầu ra cho nông sản ... ở Bắc Trung Kỳ thời thuộc Pháp có thể là những gợi ý tham khảo, góp phần vào việc hoạch định chính sách để phát triển hơn nữa nông nghiệp, nông thôn ở Thanh - Nghệ - Tĩnh hiện nay.

CHANGES OF AGRICULTURE AND RURAL SOCIETY IN THE NORTH ANNAM IN THE PERIOD OF FRENCH DOMINATION

PhD. Tran Vu Tai

Faculty of History – Vinh University

Opening.

Agriculture is an economic industry that French colonialists paid attention to during the period of exploiting its colony in Vietnam.. After the First World War, Agriculture was expanded and played the first role in the colonialist's investment. The progress of exploiting made colonial agriculture changes so much. Capitalism elements that infiltrated into agriculture speeded up changes in rural society as well as its face. For that reason, our economy changed to the form of colony with capitalism element. Beside the disadvantages from the domination's policies of exploiting, our economic agriculture had favourable changes.

According to French division, The Nord – Annam consists these provinces: Thanh Hoa, Nghe An, and Ha Tinh. They are areas with many similar features of geography with potentiality of agricultural economy. These provinces attracted agriculturists as well. In order to reduce the impacts of the South Korea government in exploiting “protective land”, French colonialists paid much attention to this area. Under the objective influences of the exploiting progress, the agriculture in the North Annam had remarkable changes in the ways of capitalism. Therefore, the agricultural face and rural economy in the area changed as well.

After the revolution in August 1945, the agriculture and rural society in Thanh- Nghe – Tinh had so much important changes. However, in the progress of changing in that time, state businesses showed their disadvantages and the activities of co-operative society were not very effective. For that reason, the industrialization and modernization in this area had so much difficulties.

For these facts above, we think that studying more details about changes of agricultural economy in the North Annam in the period of French domination will bring a significant meaning of science and reality. In addition, this study also help us indentify colonial exploiting of French colonialists in this area better and better and help us know more and more about colonial situation in our country.

1. First changes in agricultural economy in the North Center of Vietnam from 1984 to 1918

1.1. Premises that promoted changes of agriculture in the North Center of Vietnam

To speed up the colony exploiting and keep the security, French colonianists focused on building transporting system such as: railway, roads, waterway, bridges and ports that connected economic areas in the South and in the North of the Center with each other and with Laos. The minister of the colony department sent a letter to Governor-general of Indochina on 23 June 1894 in which he focused on improving roads for traffic and the roads for breaking into. That was the first problem to solve and if being successful in sorting out of this problem, more and more people pay attention to¹. The railway system connecting Hanoi and Vinh city was started to build in 1900 and finished in 1905 with the length of 312 km, costs of 43 millions Franc².

Governor-general of Indochina Anbe Xaro admitted: “The railway must aim to lead to seaport and get all transportation. It is wasteful to grow things that can be transport while these things can’t be transported.”³.

Roads system was also expanded and built. The highway was mended several times and became “as beautiful as them in France”⁴. Especially, roads connecting the North Center of Vietnam and Laos were focused on building. In 1893, the road n^o 7 from Vinh to Tran Ninh (Laos) with the length of 515 km was started to build, the road n^o 8 from Vinh to NaPa with the length of 272 km connecting Ha Tinh and Laos was also built. Building Ben Thuy port had a significant meaning in exporting agricultural, forestial products. It was the most important port in the group of three ports: Quy Nhon port, Da Nang port and Ben Thuy port. “Businesses will not able to excute their activities and peoples will meet many difficulties in personel and economy without roads, railways and canals”⁵.

Some projects of irrigational system were surveyed and exprimented by colonial government. Mr Bouulloche – French Resident Superior in Central Vietnam – proposed the survey of irrigating in Thanh Hoa district. The first study of engineer Buaru was carried out in 1898. This project was excuted in 15.00 ha on Tho Xuan district with the expenses of 30 thousands VND which was supplied by the Southern Korea. However, the project wasn’t finished because of the expenditure. Until 1911, There was a workshop of building a canal from Thanh Hoa to Vinh refered to watering 25.000 ha. The rate of progress lasted for a long time with several difficulties. Finally, people had to stop building the canal because of shortage of expenditure and workers. In 1913, engineer Normandin – who had finished the projects of irrigating in India and Giava – took responsibility of studying irrigation canal in

¹ Trần Văn Giàu, *Vietnamese Working Class*, S. Th. press, Ha Noi 1961, page 77

² Nguyễn Văn Kính, *Vietnamese Social – Economic structure in the period of French domination.(1858-1945)*, Ha Noi National university press, Ha Noi 1999, page 45.

³ Břvř J, *Speech of Governor- general of Indochina on the occasion of opening for public use of irrigation system in the North Nghe An*, 1937 Nghe An Monography, page 280.

⁴ Robequain Ch., *Le Thanh Hoa* (translating), Thanh Hó library, page 249

⁵ Aumiphin J.P., *Financial and economic present of France in Indochina (1858-1939)*, Vietnamese History association, Ha Noi 1994, page 109

Thanh Hoa. He proposed a new method: building a hydroelectric plant with 1.200 horsepower by using hydraulic power of a falls with the height of 4m. In this way, the power was used to water 50.000 ha on the left bank of Chu and Ma rivers¹.

Policy of encouraging to establish plantations: After finishing “pacifying” the North of Central Vietnam, colony government declared: “Not be worried of harassing from antagonistic force, can start to widen and develop economy”. In order to excute exploiting progress, French colonialists focused on broadening plantations and trading agriculture. Some colonialists said that: “The Europeans don’t need a plot of land to grow by themselves but they need a large business to control”². Beside the purpose of making profit, plantations brought them the mission of guaranteeing safety in troubled areas. In addition, establishing plantations also helped them to attract people, to reduce the population in crowed areas³. The plantations were expanded over other parts of Vietnam and became one of the features of agricultural economy at the end of XIX century and at the beginning of XX century.

1. 2. The first changes of agricultural economy in the Central Vietnam.

Economy with plantations grew strongly and was a new element that changed agriculture in this area. At the end of XIX century and at the beginning of XX century, plantations in the North of Central Vietnam were established although it was later than other places. The plantations were widened from “don son phong” in the period of monarchy. Discovering the red land area and coffee plant made the economy with platations thrive. Guathier is the first person in this work. In the 1900s, he found potentiality of growing industrial crops and raising livestock through studying land in Thanh Hoa, “grassplots and forests made people image the beautiful sights seeing in France”⁴. From a miner, he became a agricultural businessman and then soon became a famous agriculturist. He was the 1st person who started brealcing fresh ground in Thanh Hoa. Following him, many colonialists asked for the land to make plantations for industrial crops. Since then, plantation became wider and wider and spreaded from Thanh Hoa to Nghe An. Finding the red land and the appearance of coffee plant are main reason for widening plantations in the North of Central Vietnam. In 1912, Gauthier began to break fresh ground in Yen My⁵. After years, he found that: “ September, after the rainy season, it is the best time to plant coffee”⁶. Thanks to his patience, the breaking fresh ground achived good results. He planted more than 10,000 Arabica coffee plants. His first success encouraged other landlords.

¹ Peytavin, *Irrigation system in Thanh Hoa*, Indochina economy journal (number 117, in 1916), Thanh Hoa monography, page 2

² T□ Th□ Thuï, *French plantation in the Nothern Vietnam (1884-1914)*, the World publishing press, Ha Noi 1996, pages 12,13.

³ T□ Th□ Thuï, *French plantation in the Nothern Vietnam (1884-1914)*, the World publishing press, Ha Noi 1996, pages 12,13.

⁴ Robequain Ch.(1932), *Le Thanh Hoa* (translating), Thanh Hoa library, pages 300 - 3007.

⁵ Robequain Ch.(1932), *Le Thanh Hoa* (translating), Thanh Hoa library, pages 300 - 3007.

⁶ Robequain Ch.(1932), *Le Thanh Hoa* (translating), Thanh Hoa library, pages 300 - 3007.

In 1914, he established a plantation in Nhu Xuan, after that, in Tho Xuan, Cam Thuy, Yen Dinh. At the same time, Phu quy became famous land. As in the document of agriculture and trading department in the Central Vietnam, there were some plantations such as: walther's; lopicque and P.A. Lopicque et Cie company. From 1910 to the time when 1st World War ended, the number of plantations in The North Central Vietnam increased remarkably, the areas increases as well¹.

Possession of cultivated land had 1st step of changing. Common land of village kept being narrowed, possession of individual developed. The scale of appropriating public land of French landlords and feudal system became wider and wider. Gathering land of French colonialists more and more was one of the reason for limitation of possession of land. The colony government gave the colonialists wild land to use to establish plantations. The development of plantation economy was one of the reasons changing the land possession right. Not only the land lords but priests also called for the help of Christian believer to appropriate land. Beside, the land lords, village bullies tried to rob the farmer's land to make big farm. That was the reason why public land became narrower and narrower while individual's possession developed more and more .

Until 1st World War ended, there were many plantations with 100 ha². Under the protection of the government, churches also had possession with different forms. The land belonged to catholic church, based on the contribution of every Christian believer. In the North of Central Vietnam, the cultivated land of catholic church was very huge, increased up to hundreds ha such as in Nga Son (Thanh Hoa), Xa Doai (Nghe An), Duc (Ha Tinh) where Catholicism developed. In the year book, there were two famous priests: Charles and Rigain. They had people who broke fresh ground in the Mid - land Nong Cong, Nhu Xuan to build 1st plantaions.

After that, there was many other priests such as Marcou (established a plantation with 339 ha in Tho Xuan), P.Canilha (established plantations with 132 ha in Huu Xuyen, Quan Hoa), Landrieu (religion propagatinh in Tinh Gia, established plantation with 49 ha); Klingler (the bishop of Doai village established planation with 450 ha in Bao Nham);Cau Ram church (approritaed hundreds of plots fields around the Diocese of Vinh).

Cutivating agriculture had the earlier changes. Comparing with it before 1884, the rice-field area in North Central Vietnam had increased due to the method of irrigating, reclaiming waste land and the stable politics. People after “forgiveness means to do” because of war, gradually returned to their countryside consistent. The irrigation system war dredged, widened, some ordering flow water leading cosmetics fill works were tested, that war the reasons why the plating area had been increased. In spite of the short of the big

¹ AFC (Agricultural and Forestrial trading), N0560, *Concessions et exploitations agricoles des provinces de l'Annam*, Storing document, the first National Center for storing data, Ha Noi.

² AFC (Agricultural and Forestrial trading), N0560, *Concessions et exploitations agricoles des provinces de l'Annam*, Storing document, the first National Center for storing data, Ha Noi.

water leading cosmetics fill works but the irrigation system was improved, dykes were reinforced under the technical guidelines from the French engineers, had made the water calamity were reduced. Beside that, research activities for breeds and the warnings about technology from Yen Dinh breed centre, took the important roles in improving the rice-cultivating job in North Middle. According to the Indo-China year book report, up to 1919, Thanh Hoa had about 220,000 ha rice-field (40,000 ha for one farming season, 110,000 ha for 2 farming season). Ha Tinh had 120.000 ha rice-field (70,000 ha for one farming season, 50,000 ha for 2 farming season). In the total of planting area in the Middle in 1919 was 1,100,000 ha but the North Central Vietnam was only 490,000 ha, made up near 45% area¹.

Especially, some plants and pets giving high benefit started to be immigrated to North Central Vietnam, special coffee-plants. After Gauthier's successes in Yen My planation, the coffee-trees planting area was expanded non-stop. It took the important role in breaking red-fresh ground in midland that earlier still was wild. Firsty, coffee-plants were grown as the fences of the church in Huong Khe (Ha Tinh)². Until the beginning of XX century, they were grown in the planation which belonged to the French in Huong Son, Huong Khe. In 1908, coffee-trees from the North of Ninh Binh, went through the Dong Giao mountain pass into Thanh Hoa. Firsty, coffee-trees were grown as testing in reclaiming waste land between Bim Son and Ngoc Giao. In 1912, Gauthier exploited Yen My planation, owners asked for more planation land in order to cultivate coffee-trees. Till 1918, the planting coffee-trees planation systems were established in the North Central Vietnam. Cultivating coffee was under testing and groping periods. The plating-area was not very large, coffee harvesting was not very much, coffee output was not many. But sine the coffee appeared, it helped to open out one new agricultural cultivation method that drew the attention of many planation's owners. With these first steps, in the second colony exploitation, French colonists turned the North Central Vietnam into the biggest coffee intensive farming place in the Indo-China at that time.

2. The changes of agricultural ecolomy in the North Central Vietnam from 1919 to 1945

2.1 Expanding the colony exploitation investibility.

After the first World War, French colonists conducted investment massively into the Indo-China (especially to Vietnam) with the rapid speed. The adjust about the colony exploitation policy of French colonialists had effects on the North Central Vietnam's agricultural ecolomy situation.

The capital was maily used to invest to irrigation projects, irrigation the French colonialists invested capital to build irrigational system with rather scale and moclernity.

¹ *Economic yearbook in Indochin* (Parts of Nghe Tinh) from 1913 to 1951, the tird National Center for storing data, Nghe An monography, page 7.

² Advisory council of trading and agriculture in the CentralVietnam. *In the Central Vietnam 1906*. Nghe An monography.

Two large-scale irrigation projects, Bai Thuong Dam - Chu river irrigational system and Do Luong Dam- a network of Northern Nghe An irrigation canals were respectively finished. The appearance of these 2 significant projects had remarkably changed the face of agriculture in the North Central Vietnam.

In 1918, Governor General Indochina Albert Sarraut approved the design of an irrigation project in Thanh Hoa, whose expenses were taken from the Indo-China general budget. After 2 years of preparation, the project was started to be constructed on 28/3/1920 and until 27/8/1928 it was officially given to the irrigation department. The success in the Chu irrigation project had changed the appearance of Thanh Hoa agriculture, 60,000 ha of field acreage was actively irrigated and could be cultivated into 2 crops. The ability of cultivation on the left or right banks of the Chu river was awakened. "the agricultural life of Nong Cong has been improved since the irrigation canal flowed through"; "Nong Cong becomes a rice exporting place to many other areas. And the saying "have a good harvest in Nong Cong, live in anywhere" could be taken from here¹. The Chu irrigation project strengthened the value of irrigated rice-fields or lands up to 2.5-3 million VND a year. It means that it was more than a half of the initial expenses². Contemporary scientists evaluated: "Except for giant systems in India, this is the largest-scale project in the Far East. Nowhere in Japan, China, Taiwan, Philippines, Thailand, Indochina had such important systems. In Malaysia, only a sivebo system, which possibly irrigated 60,000 ha, "caught up with that project"³.

After the Chu irrigation system, it was an irrigation project in Northern Nghe An that was started in 1933 and finished in 1937. The operation of the project irrigated more than 37,000 ha of fields. Thanks to the irrigation system, three districts: Dien-Yen-Quynh were populous and rich and became an important region for planting rice in Nghe An. The saying "if you are lack of clothes and food, please go to Yen Thanh" expressed the prosperity of agricultural economy in this region owing to the advantage of water-conservancy work. The Chu irrigation system, Northern Nghe An irrigation system were worthy of the large-scale irrigation systems in the North Central Vietnam in the period of French domination.

Besides, the activities of financial investment were also paid attention. The agents of agriculture and market-gardening banks were respectively established in Thanh Hoa, Vinh, Ha Tinh and effectively operated. One new point in credit activity was the participation of unknown companies, big trading firms and commercial groups. Choosing seed was also received the attention of the authority with the expanding Yen Dinh seed farm (Thanh Hoa) and establishing new seed farms: Cao Trai (Phu Quy-Nghe An), Van Du (Thach Thanh), Bai Ang breeding farm (Nong Cong- Thanh Hoa)

¹ Nong Cong district party committee – people's committee, *Nong Cong monography*, Scientific – Social Publishing press, Ha Noi 1998, page 128

² Peytavin (1916), *Irrigation in Thanh Hoa, Indochina economu journal* (number 117, 1916), Thanh Hoa monography, pages 3 – 7.

³ Peytavin (1916), *Irrigation in Thanh Hoa, Indochina economu journal* (number 117, 1916), Thanh Hoa monography, pages 3 – 7.

2.2 Changes of agricultural economy in the North Central of Vietnam from 1919 to 1945.

Expanding the investment and exploitation of the French colonialists made the agriculture in the North Central of Vietnam change remarkably. That was showed in these aspects:

Possession of land: Provinces in The North of Central Vietnam had quite slower rate of public land field compared with the other places in the Central Vietnam. Nghe An which had the highest rate of public land field only occupied 19.8%, Ha Tinh had the lowest rate of public land field with 15.9%.

Land was controlled by colonialists and there were more and more landlords. Land which was used to make plantations occupied 37,114 ha (occupied 13% cultivating land). There were 70% of plantations which had area from 100 ha to about 10,000 ha. The feudal landlord and landlord of public house quickly developed in economic potentiality. On the contrary, land possession of native people was small and average under 5 plots of field (93.6%), from 5 to 50 plots of field (6.3%), over 50 plots of field (0.1%)¹.

Production relations: The relation between landlords and tenant farmers still existed but it changed into many different forms: employing workmen, sharing crops, fields for rent... The form of land rent also changed: except for paying in kind, there was methods of paying with drudgery and with money for land rent. The relation between employees and employers was set up. The large plantations were run as capitalist enterprises. The workmen were used with many different forms: day-labour, monthly wage, paying at a fixed rate,...

Method of trading and using land: The special zone of industrial crops like: tea, coffee, cotton and sugarcane appeared. Up to 1929, in the area of 50,000 ha of planting coffee in the Central Vietnam, there was nearly a half of this area belonged to the Northern Central of Vietnam (48%). However, the crisis of coffee plants from 1930 to 1931 led the coffee area to reduce. It only had 2000 ha in total 6100 ha in the Central Viet Nam (occupied 32.7%). The coffee area in Indo-china in the period from 1932 to 1944 was 8,525 ha in average (occupied 27,5%)², therefore, the Northern Central Viet Nam was regarded the biggest center in growing and exporting coffee in Indo-china at that time.

The artificial irrigation on the field had an advance, the irrigational systems watered above 160,000 ha, the irrigational system of Chu river could water 60,000 ha, the system of Northern Nghe An watered 38,000 ha. The fertilizer used for industrial cultivation was advanced. The techniques of growing water hyacinth to create green manure were widely popular. The chemical fertilizer was used initially in caring the industrial crops. Some sorts

¹ Y. Henry, *Agricultural economy in Indochina*, Ha Noi 1932, (Translated by Hoang Dinh Binh), Document of Faculty of History, University of Science Society and Human culture, Ha Noi Nation University, pages 57 – 125.

² H.Cucherousset, *The crisis and coffee plantations in Thanh Hoa*. Indochina economy journal, monography document, Thanh Hoa library, pages 1 – 5.

of seed and domestic animals were developed and carried out in many other places: Arabica coffee, Chari, Robusta, Excelsa, Reunion corn, Egyptian and American's cotton, sun-kissed orange, sin cow, elephant grass, ginseng, Yocai pig, Kelantan's sheep... The methods of protecting, taking care of cattle were paid attention.

The career as cultivating, firstly rice growing was improved, the area was enlarged, the productivity was improved comparing with the same time before 1918 (from 9 to 11 quintals per hectare increased from 12 to 15 quintal per hectare). So the rice production also increased highly. Especially, the work of industrial crops developed, the coffee special zone, cotton and fabric, sugarcane, tea, fruit-tree appeared. Coffee was developed most in the plantation's red soil in the west Thanh Hoa province, Nghe An, Ha Tinh. The coffee area in the Northern Central Viet Nam was 2500 ha, the production reached 1000 tons, the average productivity was from 4 to 5 quintals per hectare, up to 1929 only Walther's plantation in Phu Quy, there were 17,000 coffee trees which harvested, 6,000 coffee trees were planted for 2 years, 145,000 coffee trees were planted for 1 year. In 1927 the coffee production was 10 tons; 60 tons in 1930. According to Ch. Robequain, in 1928 Thanh Hoa had about 200 tons coffee which were as delicious as the remote's coffee. Up to 1932 the production was 500 tons¹.

Breeding, especially buffaloes and cows, developed rapidly and became the biggest centre of the country. Breeding cattle, especially buffaloes and cows, became a booming career in the Northern Central Vietnam. After the first World War, many ways of improving breeders were carried out for the buffalo and cows. The Northern Central Vietnam became the largest center of breeding and exporting buffalo and cows in the country. According to the statistics by Y. Henry in 1930, the flock of buffaloes and cows in the Northern Central Vietnam reached to 247,025². The total of domestic animals in the Central Vietnam was 421,895 cows and 200,073 buffaloes in which there were 166,770 cows (occupied 39,5%) and 80,255 buffaloes (occupied 40%) in Northern Central Vietnam. Thus, in the Northern Central Vietnam there were more cows than the total of cows in the provinces in the North (143,525 cows) or in the South (139,932 cows)³... This statistics proved that Northern Central Vietnam was the greatest center for cow breeding in the country.

3. The rural society in the Northern Central Vietnam with the effects of the agricultural economic changes:

The agricultural economic changes had a strong effect on the rural society that was demonstrated in the following issues:

¹ H. Cucherousset, *The crisis and coffee plantations in Thanh Hoa*. Indochina economy journal, monography document, Thanh Hoa library, pages 1 – 5.

² Y. Henry, *Agricultural economy in Indochina*, pages 223 - 224

³ Y. Henry, *Agricultural economy in Indochina*, pages 223 - 224

There was a change in traditional crafts: In the period of French domination, some crafts such as growing cotton and weaving, growing mulberry and raising silkworm... fell down due to the tendency of silk import from other countries. Some others were maintained such as carpentry, plaiting, forging, pottery, brick, seafood processing, producing molasses, oil... however, agricultural producing was always carried out at the same time.

Changes in population: The population rapidly increased twice during 40 years at the beginning of XX century. For this reason, the cultivating area per capita reduced gradually. There was a redundancy of labour in the inland. Therefore, people started to emigrate from the inland to the midland, from this province to another, from the Northern Central Vietnam to the Southern Center Vietnam and to the South.

Residence was widened: The activities of agricultural exploiting also played a role in enlarged the residence. Salt-marsh parts along the sea in Nga Son, Hoang Hoa (Thanh Hoa), Quynh Luu, Dien Chau (Nghe An) were discovered and many new villages appeared. The wild land in the Midland was used and there were many other parts with crowded population in Phu Quy (Nghe An), Xuan, Nong Cong (Thanh Hoa).

Social classes was splited: Farming class was devided because of assign tasks and the influences of land rent. Most of the habitants in Nghe An were poor peasants (occupied 83%), in Ha Tinh (74,75). Meanwhile in Thanh Hoa the rate of Middle peasants was higher (21.7%). And the number of poor peasants and farm hands was less than former two provinces (73%).

Landlord class was devided into two parts: land owners, rich farmers occupied 4.42% in Thanh Hoa; 3.32% in Nghe An; 5.6% in Ha Tinh but they owned almost 50% of land area¹. The class structure impoverished to the utmost of the poor peasants and farm hands; the relative stability of the middle farmers, rich farmers, expanding economic positions of the landlords. The social contradiction became more serious. In Nghe An there was a conflict between farmers and rich farmers.

The peasants in the Northern Central Vietnam pauperized more and more: the life of peasants depended on their fields but cultivated area was getting less. By 1945, it fell into 0.18 ha (Thanh Hoa), 0.17 ha (Ha Tinh), 0.12 ha (Nghe An)²; the yield of paddy was just 1.2 quintal/person/year on average. The peasants pauperized more rapidly since the change of agriculture did not keep up with the population growth, benefit division was unfair (unequal). The feudal modes of exploitation became better and more heartless. The cultivating area had reduced gradually from the period of the King Tu Duc to 1945. Rate of rice production per capita also reduced. The combination of feudal methods and capitalism methods of production made the form of exploiting better and more skillful. Many heartless

¹ Collection of statistics from documents of land forming in Thanh Hoa, Nghe An, Ha Tinh. This figures are stored in People's committee in these provinces.

² Collection of statistics from documents of land forming in Thanh Hoa, Nghe An, Ha Tinh. This figures are stored in People's committee in these provinces.

modes of exploiting appeared in the Northern Central Vietnam such as: exploiting by land rent, manpower or many others with more intelligent way such as: dishonest payment of wage, wrong addition of working days,....

Beside two main contradictions between farmers and landlords, farmers and imperialists, colonialists, there was a serious conflicts between farmers and rich farmers. Therefore, people's life was harder and harder because of lot of threats: high tax, the currency state and the price of agricultural produce stayed unstable; high loan interest, natural calamity, epidemic... The rate of pauperization of the peasant in Nghe Tinh grew at a high speed. The farmers always had to face to the permanent famine.

Summary

The Middle North was the diversified land of eco-system in both nature and society. It had the great advantages to speed up growing rice, industrial plants, and breeding great cattle. That condition attracted the colony administration and farming owners. The process of exploiting the colony by French made the agriculture in the Northern Central Vietnam change from the feudal mode into capital colonial one.

The relation of cultivated land and procedure had a lot of changes: The tend of gathering land with the aim of trading agriculture made small possession change, however, some farmers were dispossessed of tools of production. The feudal method of production was kept doing but changed into many different forms such as: paying land rent in kind, by hard labour, by money. Capitalism methods of production started to carried out, thus, the relation between employers and employees were also set up. The combination of these two methods made the best uses of the resource of workmen. However, that was also the reason why the employees were dispossessed more heartlessly.

The sector of plantation economy had a lot of strongest changes in agriculture in the Northern Central Vietnam. Before 1884, plantations appeared, but they only played the role of keeping the security for politics, but not very important in growing economy. In the period of French colony, plantations became one of the methods of agricultural trading of landowners. The size of plantations kept on widening. From individual development at the end of 19th century and at the beginning of 20th century, plantation economy grew quickly. After the first World War, plantation system was set up and spreaded to inland areas, there was an appearance of plantations with thousands ha such as plantation of Gauthier in Yen My (Thanh Hoa), Walther, Lopic and a company in Phu Quy (Nghe An)... in which the plantation in Yen My was considered as the most beautiful plantation in Indochina.

Agriculture in the Northern Central Vietnam started to change in the tend of good production. Before 1884, the agriculture in this sector was in the situation of self-supplying. In the period of French colony, the Northern Central Vietnam became one of the largest center for exporting agricultural products in the country. The agricultural products included cereals (rice, corn), vegetables (beans, peas, sesame), products from industrial crops (coffee, cotton, tea, molasses), fruit (orange, mandarin orange, grapefruit, pineapple), domestic

animals (buffaloes, cows) in which coffee, cotton and domestic animals were main exporting goods and considered as the most exporting good in the country.

The elements of speeding up changes in agricultural economy in the Northern Central Vietnam: The capital for investment included the capital from the State and from individuals which speeded up agriculture's development in the sector. Infrastructures such as transportation, trading services, monetary, irrigation constructions, centers for seed... were built with the budget of goods in the sector. That speeded up the changes in agricultural economy in this area. Beside the individual constructions, the government role was also very important. After the first World War, farming activities were better with the orientation from colonial government.

The impacts of changes in agricultural economy on rural society in the Northern Central Vietnam, the social classes were splited, farmers were more and more pauperized. Thus, there was an appearance of farmer with brown clothes, skillful farmers of ploughing, growing rice, harvesting, picking coffee, unloading and uploading goods, contractors,... Craftsmen were also divided, some of them failed completely because their products couldn't compete with the ones imported from other countries. The appearance of goods economy, changes in the modes of land rent, the rate of gathering land was higher and higher, the scale of exploiting was more and more serious... That was the reason for social gaps. Farming class was splited and impoverished seriously, 37% of people were poor peasants, 45,5% of people were land hungry peasants.

Beside the disadvantages of colonial policies, the changes in agricultural economy in the sector also had certain advantages. The policies of exploiting land, investing to irrigating system, suitable selecting sorts of plant to grow and domestic animals to breed, finding a market for agricultural products ... in the Northern Central Vietnam in the period of French domination were considered as reference ideas which contribute to the agricultural development better and better in Thanh – Nghe – Tinh now.